

## ĐẠI NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

### QUYỂN 4

#### Phẩm 2: THUẦN-ĐÀ (Phần 1)

1. Giải thích nghĩa ruộng phước.

2. Giải thích tên gọi Thuần-đà.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Năm phần của Kinh, hai phẩm dưới đây, là lần thứ hai khai tông nói về nhân quả thường trụ. Thông thường chia làm ba đoạn:

1. Nhân việc dâng cúng để nói về Thường, cũng gọi là nhân thỉnh cầu thọ nhận sự cúng dường mà nói về Thường: Từ đầu phẩm đến hết: “Thích Phạm, chư Thiên v.v... đều đến cúng dường Như lai”.

2. Nhân việc thỉnh cầu để nói về Thường. Từ “Tất cả mọi loài trong thế gian đều sinh tâm rất khổ não” cho đến hết “Thí như châu ngọc lưu ly...”

3. Nhân sự lãnh hội thông đạt để nói về Thường, tức ví dụ thầy thuốc cũ, mới.

Pháp sư Đàm Sấm nói: Phẩm này có bốn đoạn:

1. Nhân việc dâng cúng để nói về pháp Thường.

2. Nhân đại chúng vui mừng để nói về Thường.

3. Nhân việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi luận nghĩa với Thuần-đà để nói về đức Thường.

4. Nhân thôi thúc việc cúng dường để nói về Thường.

Pháp sư Đàm Ái nói: Phẩm này chia làm tám đoạn:

1. Thuần-đà thỉnh cầu Phật thọ nhận sự cúng dường Phật thọ nhận.

2. Thuần-đà nêu năm câu hỏi được Đức Phật trả lời.

3. Đại chúng kính mến Thuần-đà nên nhờ ông ấy thỉnh Phật an trụ lại thế gian.

4. (Thiếu đoạn này).

5. Thuần-đà tự vui mừng, bày tỏ ý đại chúng xin Phật trụ lại thế

gian.

6. Phật ấn chứng về sự vui mừng của Thuần-đà, nhưng không chấp nhận điều thỉnh cầu của ông. Thuần-đà lãnh hội ý chỉ trong lời đáp của Đức Phật, lại nêu lý do mình thỉnh cầu.

7. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi luận bàn với Thuần-đà.

8. Phát ra ánh sáng thúc giục sự cúng dường.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi: Phẩm này chia làm bốn đoạn:

1. Nhân việc thọ nhận cúng dường để nói về Thường.

2. Nhân việc thỉnh cầu trụ thế để nói về Thường.

3. Nhân việc hai vị Đại sĩ luận bàn mà nói về Thường.

4. Nhân việc Phật không chấp nhận sự thỉnh cầu mà nói về

Thường.

Pháp sư Trí Tú nói:

Ở đây cho đến hết phẩm Ai Thán là phần khai mở tông chỉ có chia làm hai: Trước lược, sau rộng. Phẩm này có ba đoạn:

1. Đầu tiên, nhân hai lần thỉnh cầu mà cũng hai lần làm rõ tính chất thường trụ. Đó là Đức Như lai giảng dạy, khai mở tông chỉ.

2. Từ “Thật như Thánh giáo” cho đến hết đoạn luận bàn về ý nghĩa: Đây là sự kính tin, hiểu rõ của Thuần-đà, ông đã nói lên điều mình lãnh hội. Trước tuy do hai lần thỉnh cầu và cũng có hai lần được nghe chỉ dạy, mà lý mâu chưa hội nhập được. Giữ vững điều kính tin là khó, cho nên trước phải kính tin thì mới hiểu mà nêu bày. Do đó, Bồ-tát Văn-thù nói: “Dùng các việc của Bồ-tát để thử ông”.

3. Từ việc phát ra ánh sáng cho đến hết phẩm: Đó là Đức Như lai giảng nói những điều có tính chất tổng kết, tóm tắt.

Pháp sư Đạo Lãng thuật lời của Pháp sư Tăng Tông rằng:

Nghĩa là hai phẩm này nhằm khai mở tông chỉ, làm rõ nhân quả thường trụ, gồm có bốn chỗ:

1. Sự cúng dường của Thuần-đà là nhân, Phật liền khai mở tông chỉ, nói về quả Thường.

2. Thuần-đà luận bàn với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dẫn ra hàng ngàn Lực Sĩ Vương v.v... để làm hiển lộ quả Thường. Dẫn ra hai ví dụ về người đàn bà nghèo và người đàn ông để làm sáng tỏ nhân Thường.

3. Đức Phật nói về chữ Y Niết-bàn là quả, nói về ba pháp tu cao siêu, lấy ví dụ ngọc báu lưu ly làm nhân.

4. Nói về vị thuốc cũ mới, thông suốt giáo pháp nhân quả xưa nay, để hiển bày Thường.

“Lúc này trong chúng hội có vị Ưu-bà-tắc”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Thuần-đà nhờ nguyện lực từ trước nên được Đức Như lai thọ nhận sự cúng dường. Ý nghĩa của việc ấy có sáu việc, việc thứ nhất này nói lên không từ bỏ sự tu học lúc đầu, tức coi trọng những việc làm cũ.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Ứng hợp với dấu vết theo ảnh hưởng dưới đây thì bậc Đại thánh nhằm phát biểu rất rõ về lý mầu hết mực cao xa.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Sở dĩ thọ nhận sự cúng dường của Thuần-đà, vì có năm nghĩa được lược nêu sau đây:

1. Ở đây dùng hình ảnh Thuần-đà ở chốn nghèo khổ, thiếu thốn là để nói lên việc Đức Như lai không hề bỏ rơi ng nghèo hèn mà tiếp nhận hạng giàu có.

2. Ý nghĩa việc dâng cúng của Thuần-đà mang tính chất bao gồm tất cả.

3. Đã có sự hiểu rõ nghĩa mầu nên sẽ cùng nhau luận bàn về Thường.

4. Đối với chúng hội đã có duyên.

5. Vào thời Đức Phật Ca-diếp ông đã có phát nguyện: “Ngày đức Thích-ca Như lai nhập Niết-bàn, tôi sẽ là người cúng dường sau cùng”.

Từ đây cho đến hết đoạn “Thích, Phạm, chư Thiên đều đến cúng dường Như lai là sự dâng cúng bậc nhất để nói về Thường. Có năm chương:

1. Thuần-đà xin Phật thọ nhận sự cúng dường.

2. Phật thọ nhận sự cúng dường ấy, nhờ vào sự trả lời để nói về thường, tức nêu ra năm câu hỏi được Đức Phật trả lời.

3. Đại chúng rất vui mừng.

4. Nói kệ để nhờ Thuần-đà thỉnh Phật kéo dài thêm sự trụ thế.

5. Thuần-đà tự vui mừng.

Pháp sư Đàm Sấm nói:

Từ đoạn này đến hết đoạn đáp năm câu hỏi, trong bốn đoạn ấy, đoạn thứ nhất này, nhờ sự cúng dường để nói Thường, có bốn chương:

1. Từ đầu cho đến hết đoạn “Xem như La-hầu-la”: Là Xin Phật thọ nhận sự cúng dường.

2. Từ “Bấy giờ, Đức Thế tôn” cho đến hết đoạn “Giúp ông được đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật”: Phật thọ nhận sự cúng dường.

3. Thuần-đà nêu năm câu hỏi.

4. Đức Phật trả lời.

Pháp sư Đàm Ái nói:

Từ đây đến hết đoạn “Giúp ông được đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật. Là đoạn thứ nhất trong tám đoạn. Có hai chương:

1. Thuần-đà thỉnh cầu.
2. Đức Phật thọ nhận.

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời của Pháp sư Tăng Tông rằng:

Ở đây đi vào trong bài kệ của Thuần-đà tự bày tỏ sự vui mừng đến hết đoạn “Thích, Phạm, Chư Thiên đều đến cúng dường Như lai” là đoạn thứ nhất trong ba đoạn, gồm có sáu chương:

1. Thỉnh cầu thọ nhận cúng dường.
2. Phật thọ nhận sự cúng dường.
3. Thuần-đà hỏi về không nên, v.v...
4. Đức Phật đáp.
5. Đại chúng nhờ Thuần-đà thỉnh cầu Đức Phật.
6. Thuần-đà tự vui mừng.

Pháp sư Pháp An nói:

Hai phẩm này khai mở tông chỉ, đều có hai đoạn:

1. Từ đầu đến hết đoạn trả lời năm câu hỏi: Nhân thỉnh cầu thọ nhận sự cúng dường để khai mở tông chỉ.
2. Từ “Đại chúng vui mừng” đến hết phẩm: Nhân thỉnh cầu trụ thế để khai mở tông chỉ.

Trong đoạn trước, thỉnh cầu thọ nhận cúng dường có bốn chương:

1. Thuần-đà thỉnh Phật thọ nhận cúng dường.
2. Phật thọ nhận cúng dường của Thuần-đà.
3. Thuần-đà nêu năm câu hỏi.
4. Đức Phật trả lời năm câu hỏi ấy.

Trong đoạn sau, thỉnh cầu Phật trụ thế có ba chương:

1. Đại chúng thỉnh cầu: Từ “Đại chúng vui mừng” cho đến hết đoạn “Đem các việc của Bồ-tát để thử ông”.
3. Thuần-đà mong đại chúng hãy cùng nhau dốc lòng thỉnh cầu: Từ “Phát ra ánh sáng nhằm thôi thúc sự cúng dường” cho đến hết phẩm.

Pháp sư Minh Tuấn xét:

Phẩm này có bốn phần: đều là môn thỉnh cầu:

1. Nhân Thuần-đà thỉnh Phật thọ nhận cúng dường, để khai mở tông chỉ.
2. Nhân đại chúng thỉnh Phật trụ thế, để khai mở tông chỉ. Hai phần này để nói về sự khác nhau giữa “Bản và tích”.
3. Nhân Thuần-đà thỉnh cầu nên phát sinh việc luận bàn các vấn

đề liên quan, trở về điểm chính là, Thường tông nói về sự vui vẻ của việc thọ nhận cúng dường. Vì sao? Vì đối với việc Thuần-đà thỉnh cầu thọ nhận sự cúng dường, Đức Phật liền thọ nhận, giống như nhận thật. Chứng cứ ấy phải nên khai triển. Lại, ở trên xoay quanh năm câu hỏi, tâm bậc Thánh đã có sự vui vẻ. Bàn luận sâu xa rất ráo với Bồ-tát Văn-thù, chứng cứ ấy rõ ràng là đã dựa vào nền tảng, lại càng được phát huy, triển khai rộng.

4. Từ hiện tượng phát ra ánh sáng thôi thúc cúng dường v.v.. cho đến hết phẩm: Lại cùng nói về “Bản và tích”, để giải thích rộng diệu chỉ ở trên. Hưởng chính tuy cho là “Khấp vì đại chúng nhóm hợp ở đây mà thọ nhận sự cúng dường của ông”. Do đó mà mở đầu cho khai ông. Nhưng chỉ nói là “Sẽ ban cho Thuần-đà tuổi thọ, sức khỏe”. Nay, trong một chương này nhằm khẳng định ý nghĩa đó. Cho nên dạy rằng: “Như hàng trời, người đối với sự cúng dường cuối cùng đối với Như lai đều được quả báo bất động. Vì Như lai là ruộng phước tốt của chúng sinh.”

“Trong thành Câu-thi”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là ý nghĩa thứ nhì: Không bỏ gần để theo xa.

Pháp sư Tuệ Lãng nói: Đây là nêu ra quê nhà.

“Con nhà khéo léo”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là ý nghĩa thứ ba: Không bỏ rơi người thấp hèn, chỉ quan tâm tới tầng lớp cao sang.

Pháp sư Tuệ Lãng nói: Đây là nói về nghề nghiệp.

“Tên là Thuần-đà và mười lăm người bạn cùng nghề”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là ý thứ tư: Không bỏ ít theo nhiều.

Pháp sư Tuệ Lãng nói: Xưng tên gọi, để hiển bày đức.

“Vì muốn cho thế gian có được quả lành”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ý nghĩa thứ năm này là nói lên đức tiềm tàng bên trong của bậc Đại sĩ thể hiện trong đại chúng.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Nói về địa vị con người tuy thấp kém, nhưng đức độ ý chí thì hết sức lớn lao. Vả chẳng có được sự thấu đạt về đạo pháp ch phải do địa vị cao quý hay thấp kém. Điều này càng khiến cho đông đảo những người ở cùng hoàn cảnh thấp kém ấy đều không hề tự coi thường mình.

Pháp sư Trí Tú nói:

Sở dĩ không theo những người khác đến cúng dường là để làm nổi bật ý nghĩa của sự thôi thúc cúng dường.

“Bỏ các uy nghi của thân, liền đứng dậy:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ý nghĩa thứ sáu này là không xem nhẹ điều thô mà tham cầu chỗ diệu. Vì sao? Vì Đức Phật trước đã bảo Thuần-đà bày biện sự cúng dường, nhưng do các vật phẩm cúng dường kia là tầm thường nên không dám dâng lên Phật, chỉ ngồi yên mà thôi. Bây giờ, đã thấy Đức Phật không thọ nhận sự cúng dường của những người khác nên mới thực hành việc dâng cúng của mình.

Pháp sư Pháp Dao nói:

“Bỏ các uy nghi của thân”: Tức là bỏ dáng dấp của nghề nghiệp khéo léo của mình, tạo được dung mạo cung kính của sự tôn quý đạo pháp.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đã có được dáng vẻ tươi tắn của sự cầu thỉnh nên liền bỏ dáng vẻ thường có hàng ngày.

“Vén y bày vai phải, gối phải sát đất” cho đến “Vì hóa độ vô lượng chúng sinh”:

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói:

Đây là nói về có tích, có thật. Về “Tích”: Nếu đức thọ nhận chỗ cúng dường của mình thì những người khác cũng mong được Đức Phật thọ nhận. Về “Thật”: Nếu sự cúng dường được sắp bày thì liền trở thành bố thí Ba-la-mật. Bố thí Ba-la-mật đã thành tựu thì sẽ giúp cho sự giáo hóa, mở mang của Phật.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Bậc Đại sĩ vốn chẳng tự làm, nhưng đạo ấy có công năng gồm thâu cả ngôn từ của thiên hạ.

“Bạch Đức Thế tôn! Chúng con từ nay không có chủ, không có người thân, không ai cứu giúp, không chốn nương tựa, trở về”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Chủ là để cứu giúp đối với nước, người thân là để giúp đỡ đối với nhà. Đức Phật là bậc cứu giúp, hộ trì đối với tất cả muôn loài. Không có ai cứu giúp bảo vệ, là do không có chốn nương tựa, trở về.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Cứu là vượt lên khỏi khổ, đặt vào chỗ thiện gọi là hộ. Không có chỗ trở về nương tựa là chỉ cho tâm không tìm được chốn để an trụ.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Lìa bỏ chốn chỗ che, giúp đỡ là không chủ. Lìa sự gần gũi để hỏi han vâng theo là không có người thân. Nếu bậc Thánh còn tại thế thì điều ác không dấy khởi, đó chính là sự cứu độ. Điều thiện đạt được càng dồi dào, đó chính là sự hộ trì. Làm trái với chỗ nương tựa nên gọi là không có chỗ để trở về.

“Nghèo cùng, đói khổ muốn theo Đức Như lai” cho đến “Xin nhận chút lễ mọn cúng dường của chúng con rồi hãy nhập Niết-bàn”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Khổ về đói khát dụ cho sinh, tử. Nếu dứt sạch được điều ấy thì ý nghĩa đó được gọi là ăn. Nay, sự cúng dường ấy, sự mong cầu là cầu cho cả đồng loại nên nói như vậy.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nếu bố thí Ba-la-mật thành tựu trọn vẹn thì đó chính là sự nuôi dưỡng làm thêm lớn Pháp thân ở tương lai.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Chỗ thật của thường trụ là ở tại đây, đều do Phật mà có được, nên gọi là: “Theo Đức Như lai để mong cầu”.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Nêu tâm quả Phật thường trụ pháp thực, vả như lại cùng nêu bày về điều ấy đúng là chưa sáng tỏ.

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như các giai cấp sát-lợi hoặc Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Thân là sự hợp thành của bốn đại, chọn lấy để làm ví dụ đối với bốn giai cấp.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Trong bốn chủng tánh ấy, chọn lấy một người làm thí dụ.

“Do nghèo cùng nên”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nêu ví dụ về việc không có pháp lành xuất hiện ở thế gian.

“Đến xa ở nước khác”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Đã rời bỏ khỏi chốn vây hãm tức là hội nhập vào chỗ hành hóa của Phật.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Từ cảnh giới của Đức Phật ấy trong ba cõi này là dụ cho sự tạo ra cõi nước khác.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Niết-bàn đối với sinh tử là “Khác”, người tu hành nêu tâm mong cầu nên gọi là đi tới nơi xa. Nhưng đó là nói quả trong nhân nên chắc chắn sẽ đạt đến.

Pháp sư Trí Tú nói:

Cảnh giới sanh điều lành sinh khởi là khu vực đã ra khỏi mê lầm, nên gọi là “Khác”. Pháp sư Pháp Trí nói: Chánh đạo đối với tà đạo là khác.

“Ra sức làm ruộng”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Làm lành, trái với tính thường hằng, phải tự phấn đấu mới trở thành siêng năng. Như làm ruộng không để mất thời vụ mới đạt được kết quả gấp bội, là dùng việc làm ruộng để dụ.

“Có trâu bò cày bừa giỏi”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ở đây dụ cho việc đầy đủ nhân duyên của sự bố thí đã thành tựu. Bên trong có sự đối khác thì có chánh kiến. Bên ngoài thì thân, miệng không gặp trở ngại. Chỉ có Phật thọ nhận sự cúng dường thì pháp thân được sinh.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Ở đây dụ cho sự điều phục bảy chi ác của thân miệng.

“Ruộng đất tốt, bằng phẳng”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Ruộng dụ cho trí tuệ. Dùng trâu bò cày ruộng, mặt ruộng bằng phẳng nên gọi là tốt. Nay dùng điều lành của thân miệng làm thành vốn liếng cho sự tạo tác của tâm, nhờ đó mà đạt được trí tuệ chân chánh.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ruộng có công năng, năng sinh. Nếu không dùng trâu bò cày cấy thì sức mạnh của chủ thể phát sinh ấy không có kết quả. Dùng việc ấy dụ cho nghiệp của thân, miệng để đem lại kết quả cho tác dụng của cõi ý.

“Không có các thứ cát bồi, đất mặn, cỏ xấu mọc tràn lan rậm rạp”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Dụ cho sự điều phục chín mươi tám phiền não (sử).

“Chỉ mong trời mưa”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Như lai thọ nhận sự dâng cúng ấy thì pháp thân được sinh, giống như sự thấm nhuần của nước mưa.



Pháp sư Trí Tú nói:

Tâm dưng cúng là hạt giống, nên kể là dụ về sự gieo trồng hạt giống ấy, ở đây văn lược.

“Nói trâu bò cày bừa giỏi và dụ cho bầy nghiệp của thân, miệng” cho đến “Cứu vớt vô lượng chúng sinh khổ não:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ở đây cho rằng nếu sự hành hóa của Như lai tiếp tục ổn định thì chúng sinh sẽ được ân đức về sự hóa độ ấy...

Pháp sư Tăng Tông nói:

Cũng vậy, nếu sắp bày cúng dường Đức Như lai đều mong được thọ nhận. Sự dâng cúng của đại chúng, cũng đều như thế.

Pháp sư Minh Tuấn nói:

Như cúng dường cho Như lai đều mong được thọ nhận cũng là vì sự trụ thế của Như lai. Nếu thế gian có Phật thì chúng sinh được mang ân cứu độ.

“Sự dâng cúng hôm nay của con tuy ít ỏi tầm thường nhưng mong rằng Đức Như lai và đại chúng thọ dụng đầy đủ:

Xét: Pháp sư Tuệ Lăng nói:

Nói rằng vật phẩm dâng cúng ít, nên mong nhờ vào uy thần Phật khiến cho toàn thể đại chúng thọ dụng được đầy đủ.

“Nay con không có chủ, không có người thân, không chốn nương nhờ, xin đức Thế tôn rủ lòng thương xót xem con như la-hầu-la:

Xét: Pháp sư Đàm Tế nói:

Nước lấy vua làm chỗ che chở, giúp đỡ, nhà lấy người thân làm chốn nương dựa, cậy nhờ. Thế gian không có bậc Thánh thì lấy ai làm việc cứu giúp tế độ?

Pháp sư Trí Tú nói:

Nêu ra các ví dụ gốc để kết thúc sự thỉnh cầu.

“Bấy giờ, Đức Thế tôn, Bạc Nhất Thiết Chúng Trí, Vô Thượng Điều Ngự”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Chỗ thỉnh cầu xưa nay, chẳng phải chỉ có vật phẩm cúng dường quý giá. Người cũng là hạng giàu có, hiền thiện mà không mong được thọ nhận. Nay Đức Phật hứa thọ nhận của Thuần-đà, ý nghĩa ấy phải có lý do. Vì vậy, pháp được gom góp này đã dùng hai câu ấy để tôn xưng bậc đức độ cao tột.

“ Phật bảo thuần-đà: Lành thay! Lành thay!” cho đến “Mưa xuống ruộng thân tâm của ông, giúp sinh ra Pháp thân:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Tuy sự thực hành theo đường lành đã có được trí tuệ, nhưng nếu chưa thông hiểu về thường trụ, thì mầm pháp cũng chưa phát sinh.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Bố thí dẫn đầu muôn hạnh, là mầm móng của Pháp thân. Kính Di ghi. Pháp sư Tăng Tông nói:

Dưới đây cho đến hết đoạn “Đáp lại năm câu hỏi”, trong năm chương ấy thì đây là chương thứ hai. “Mưa xuống ruộng thân tâm của ông”: Một số Kinh khác phần nhiều dùng sự nói pháp làm mưa. Trong ấy, chính là nói về lên sự thọ nhận bố thí, nên mầm móng của sự bố thí thường được thêm lớn, cũng như trận mưa kia đối với muôn vật. Pháp Liên ghi.

Pháp sư Tăng Tông nói:

“Thân”, là nói về thân, miệng. “Ruộng”, là chỉ cho trí tuệ, tức chỗ tạo tác của tâm, ý.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Dứt trừ nghèo cùng: Là nói chỗ chấp hiện tại, ý chỉ ấy có hai:

1. Hứa thọ nhận sự cúng dường.
2. Hứa nói pháp.

Đó chính là sự dứt trừ hai thứ nghèo cùng.

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời Pháp sư Tăng Tông rằng:

Trong ấy có ba bậc: Đây là bậc thứ nhất, Phật đáp lại sự thỉnh cầu thọ nhận sự cúng dường. Nếu Phật hứa thọ nhận thì rõ là mầm móng của sự bố thí đã sinh rồi, chứ không phải thọ nhận rồi thì mầm móng ấy mới nảy sinh.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Nên chọn lấy nhân của việc thỉnh cầu thọ nhận sự cúng dường. Trong phần nói về thường, lược có nêu mười chi tiết đáng chú ý:

1. Đức Phật vì hai thứ thiện của duyên sanh bên ngoài: Một là công đức; hai là trí tuệ. Trí tuệ là nơi chốn làm sinh ra sự hiểu biết về đức thường. Công đức tức là chỗ phát sinh ra điều tương tự như bố thí Ba-la-mật. Chủ thể làm sinh ra nhân bên trong cũng có hai thứ: Một là hạt giống công đức, nghĩa là tức là tâm bố thí; hai là hạt giống trí tuệ, tức là tâm suy tìm nhân quả.

2. Nói về “Chủ thể sinh ra” và “Đối tượng được sinh ra” cùng là một tánh. Nghĩa là tâm thực hành bố thí Ba-la-mật, tâm suy tìm nhân quả và sự hiểu biết về thường là mới. Lại, hạt giống của tâm bố thí Ba-la-mật là cũ. Theo Phật để có được pháp bố thí Ba-la-mật là mới.

3. Nói rộng về hai thứ hạt giống. Tâm tiếp xúc gần gũi phán xét các pháp không ngoài ba thứ: Thiện, bất thiện và vô ký. Ba thứ tâm ấy đều có hai nghĩa: Một là tính chất không quyết định, hai là tính chất suy xét tìm tòi. Như khéo suy xét tìm tòi tức là hạt giống trí tuệ. Còn tính chất không nhất định là hạt giống công đức.

4. Nên nói rộng về nghĩa của công đức và trí tuệ.

5. Nói về Thuần-đà và Đức Phật, cả hai làm thí chủ và người nhận. Thuần-đà dùng tâm hữu lậu, dướng cúng của cải hữu lậu cho bậc vô lậu, còn người nhận là bậc vô lậu. Đức Phật dùng tâm vô lậu, ban pháp vô lậu cho người hữu lậu, đó là người bố thí là vô lậu, còn người nhận là hữu lậu.

6. Nói lược về Thuần-đà và Đức Phật, tuy cả hai bên đều là người bố thí nhưng không được làm ruộng phước lẫn nhau. Ruộng có công năng sinh dụng nuôi lớn. Đức Phật là người đã viên mãn công hạnh, đâu cần nhờ lợi ích của ruộng không chờ đem của cải đến chỗ người nhận. Như của cải của một người ở nơi khác, quan địa phương ấy xác định là của bố thí, thì của cái đó thuộc về người nhận.

7. Nói Phật là người quyết định thọ, thuần-đà-la là người quyết định thí, cả hai đã là quyết định, Phật pháp nhận thọ liền sanh đàn độ.

8. Nói về địa vị của con người. Vì sao? Vì Thuần-đà gốc là hạng ngoại phạm phu, do nghe Phật giảng nói, đã thấu đạt được Thường, trở nên có trí tuệ tương tự, đạt được sự bố thí Ba-la-mật tương tự, nhập vào nội phạm phu. Nhân được nghe Phật đáp về năm câu hỏi liền chứng được Vô lậu.

9. Nói về nhân thí và duyên thí. Nghĩa là Đức Phật giảng nói về đức Thường. Nhân bố thí là Thuần-đà đã lìa bỏ của cải. Nhân thì gần mà duyên thì xa. Vì sao? Vì bố thí bằng của cải thì lý gần mà sự thì xa. Tài thí thì của cải là từ thân mình, do đó mà lý xa. Pháp thí thì của cải là từ thần lực, do đó mà lý gần. Mà đã giảm mình, bỏ của cải, nên đối với sự thì gần, nên gọi là nhân. Pháp thí thì không làm tổn giảm đối với chủ thể, nên đối với sự là xa, do đó mà gọi là duyên.

10. Giải thích rộng về ý nghĩa ruộng phước.

“Nay ông đối với Như lai muốn cầu tuổi thọ” cho đến “Thường được đầy đủ tuổi thọ, dung mạo, sức lực, an vui, biện tài vô ngại”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Phàm bố thí mong được thọ dụng, khiến được quả là năm việc, năm ấy đều quy về việc đã qua. Nếu bố thí chẳng đợi thọ dụng thì năm việc ấy thường hiển bày, do năm việc thường hiển bày nên mới đúng

là “Hữu thường”. Nhưng nếu người dâng cúng được quả Thường, thì do người thọ nhận là Thường.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ở trên khuyến khích nêu nghi vấn, nay khai mở điểm chính của sự nghi ấy. Vì sao? Vì ở trước giảng nói tứ phạm phu đến Phật đều là vô thường. Nay cho rằng “Thí thường”, như thế lời nói về ràng trái với ở trước, theo lý là nên nêu nghi vấn.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Ở đây, ý chỉ có hai:

1. Nói về sự thỉnh cầu của Thuần-đà thuộc về việc thọ thực sắp tới. Mục đích là nói lên ý chỉ thường.

2. Nói Đức Như lai ngày nay, có khả năng ban cho thường, tức là ruộng thường. Đây là nhân việc thọ thực để nói lên không thọ thực, mượn “Diệt” để nói lên lý bất diệt. Ý nghĩa quy về Kinh là để làm hiển bày điều ấy. Kính Di ghi.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Từ Vườn Nai đến Linh Thứu, trước sau bốn thời, chỗ cao tột cho rằng số lượng còn tăng hơn trên gấp bội. Tự có sự chú trọng về một phía nên mới có giáo pháp riêng, như Kinh Đại Vân, kinh Thắng-man được truyền bá. Đây là hàng thượng căn. Hôm nay khai mở tông chỉ, hiển bày về Thường, chính là vì người hạ căn. Do đó mà có thứ lớp.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Về dung mạo thì thân an lập. Về sức lực thì tâm an lập. Chỗ hợp thành của sắc tâm, niệm niệm không sinh diệt, nên gọi là tuổi thọ thường. Tức Như lai xuất hiện ở đời, sự giáo hóa thường thấy, làm cho con người phát sinh một niệm lành, đều là ban cho con người về thường. Vì sao? Vì dù chẳng phải tướng tám muôn đều là nghiệp phiền não tạo nên. Nếu chỉ có một mảy may điều lành thì, tất cả xa lìa quả thường, không cảm ứng với sinh tử, cho nên biết chính là khí phần của thường. Chỉ vì lý mâu ấy sâu xa chưa thể giảng nói, nay mới nói bày.

Pháp sư Trí Tú nói:

Nay gọi là “Ban cho ông”, ý chỉ ấy có hai:

1. Vì Thuần-đà hôm nay dâng cúng gặp được ruộng thường, lý sẽ thành quả Thường, quả do ruộng mà được, nên gọi là Phật ban cho.

2. Nếu Thuần-đà đem một nhân của sự dâng cúng ấy, còn cảm ứng với Thường, hướng chi là đối với Phật đã từng thực hành chứa nhóm trong nhiều kiếp, mà chẳng phải Thường hay sao?

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời Pháp sư Tăng Tông rằng:

Đây là bậc thứ hai, thuộc pháp môn công đức, nói về quả của sự dâng cúng. Về năm việc ấy, vì dùng để đối với vô thường, nên nói là thường. Dung mạo và biện tài, là nói theo tích, còn tuổi thọ, sức lực, sự an ổn, ba việc ấy là nói theo Bản.

“Vì sao? Vì dâng cúng thức ăn có hai quả báo không khác nhau”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Nói theo ở chỗ tốt cùng, Phật là thường, nên có khả năng ban cho con người về thường. Nói theo Bồ-tát thì, tích của thể chưa cao tốt, sự giao tiếp là cần thiết, làm sao bỗng chốc từ hình tướng thô thiển liền trở thành diệu thường ngay được? Làm hiển bày điều ấy thì đồng với điều nói trên, nên khiến cho sự thật được rõ.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Sở dĩ dùng ruộng phước của Phật làm rõ đức thường, là do ở trên nói mâu thuẫn, chẳng thể không biết, nên nhờ sự cúng dường mà phát sinh sự luận bàn. Vì sao? Vì do người thọ thực được năm điều lợi, nên người dâng cúng được năm quả báo. Nếu dâng cúng đồ ăn của mình mà có dụng ý, thì dụng ý là vô thường, chẳng lẽ quả đạt được là thường sao? Chỉ có Đức Phật là không thọ thực, vì dụng ý nên khiến cho người dâng cúng có được phước vô dụng.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Nói về Bồ-tát và Phật, hai tích đều là quyền. Sau rõ được Phật từ lâu đã là thường, chẳng phải hôm nay mới là thường. Nếu hôm nay mới là thường, thì Bồ-tát thọ thực và nhờ đó đạt đạo cũng đều là ứng hợp với thật. Nếu là thật thì đó chính là vô thường. Nay Bồ-tát và Phật đều chung một thân, vậy thì làm sao bỗng nhiên liền được thân thường trụ chẳng thọ thực? Suy xét điều ấy và nói về, thì diệu thể thường trụ riêng tự nó có ý chỉ, chẳng phải thân ứng hóa hiện nay. Thường trụ đã hiển bày, đó chính là sự thọ thực đạt đạo, cho tới Niết-bàn đều là ứng hợp với tích.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Ở đây vì sao phải giải thích, vì trước kia chỉ là đối với thọ thân, ý dâng cúng còn được quả báo thường, huống chi nay ông đối với Phật, khởi tâm trí nhất thiết, nay và xưa đều là pháp thân, âm thầm hay khai mở không khác, lý mầu về quả báo là đồng.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Câu đáp cho sự xem xét cần phải giải thích thẳng, đó là hôm nay vì sao nói là ban cho ông năm điều thường, sợ ý của Đức Phật chẳng phải như thế. Mỗi người có một cách hiểu, nhỏ lại chọn lấy điều xa. Vì

sao? Vì nói xưa vốn là thường, hôm nay thọ nhận sự cúng dường cũng là gốc thường, vậy sao hôm nay mới nói ban cho thường, mà xưa không nói? Cho nên nói rằng thọ nhận cúng dường tuy có hai, nhưng có được quả báo thì không sai khác.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Giải thích lý do nhận được sự ban cho “Mạng thường”, là do thí thực có hai:

1. Thọ thực xong thì nhập Niết-bàn Hữu dư.
2. Thọ thực xong thì nhập Niết-bàn Vô dư.

Cả hai đều xa lìa hai thứ ma, dứt trừ mọi chướng lo lắng, việc lớn sẽ được hoàn thành, do đó công dụng của hai thời đều lớn lao.

“Hai thời là? Một là thọ thực xong” cho đến “Khiến ông đạt được đầy đủ bố thí Ba-la-mật”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Sở dĩ liên quan với bậc học địa là để nói lên vô thường có thô tế. Đoàn thực, xúc thực vốn có cùng sự sinh tử phần đoạn, đó là vô thường cạn cợt. Niệm niệm sinh diệt, đó là vô thường sâu xa. Như thân sau của Bồ-tát đâu phải giả đối với đoàn thực, nên liền đạt được thường mầu nhiệm, chính là Kim cương. Do thọ thực không phải giả nên cái thường diệu ấy tức là thứ bậc. Sở dĩ nêu ra hai thứ dâng cúng là vì dụng cao siêu. Nếu dùng đạo pháp quyền biến dứt trừ nhân quả hữu vi mà khó dứt trừ thì như kim cương là sự tu tập, vì quả khó dứt trừ nêu vô học có khả năng dứt trừ. Vì thế hai phước báo của sự dâng cúng đều không khác nhau. Nếu thức ăn giả thì dứt trừ, công dụng nội tại là hơn. Đạo chân thật dù không cần đến cái ăn nhưng thí cho, thì vì tưởng khó được, nên tác dụng bên ngoài là hơn.

Kính Di ghi lời Tăng Tông nói rằng: “Chỉ thứ này có hai:

1. Phát ra giáo pháp xưa.
2. Dứt trừ sự cố chấp của con người.

Chúng sinh xưa thật sự là Bồ-tát, nay ban cho phước v.v... thì thường thú hưởng tự sáng tỏ”.

Trí: Nêu đại khái hai cách cúng dường trước, sau đều gặp ruộng phước, thì sẽ được quả thường, một trong hai vị.

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời của Pháp sư Tăng Tông rằng: Cấp bậc thứ ba này nêu ra môn tuệ, giải thích lý do v.v...

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Xét về ruộng phước, phải dùng tội phước đối nhau, mới được sáng tỏ, vì sao? Vì một niệm lành trên đến mé kim cương, mỗi việc lành nối tiếp nhau đều là phần vị của ruộng phước, vô

minh trụ địa. Dưới đến bốn địa. “Hoặc” của một niệm, có công năng chiêu cảm quả báo sinh tử, đều là ruộng tội. Đại loại là thế. Khảo sát kỹ về chỉ thú kia, không ngoài sáu câu ba cặp:

Cặp thứ nhất là phước ở trong phước, sẽ được phước tiền của ở mai sau. Sự thanh tịnh của ruộng trước, với tâm hết lòng kính trọng, vì cho ruộng không có ngăn cách, nên sẽ được tiền của sau này.

Kế là nói về trong ruộng tội, thì gây ra tội, sẽ được tiền của về sau. Như người bố thí cho người thì trước gây ra việc xấu ác, tức là giữa người kia với người này có liên quan về tội, tiền của ở mai sau.

Cặp thứ hai, nói về làm phước trong ruộng phước, sẽ không được tiền của, phước báo, nghĩa là để ý người này, vô tâm với người kia. Và người kia đã đưa đến trái với tâm, vì trước đó đã vô ý đối với người kia sẽ không có phước, tiền của ở mai sau. Dù có tâm với người này, mà người này lại không có việc kia thì lại không có phước báo, tiền của ở mai sau.

Làm việc ác trong ruộng tội, không đem đến tiền của: Như người hại một Xiển-đề, vì ruộng nghịch nên không nhờ cậy.

Cặp thứ ba, làm ác trong ruộng phước, mà trong ruộng không có tiền của ở mai sau, chỉ sinh ra điều ác, tội do tâm thì trái với phước, không có khả năng giúp đỡ nhau. Lại, làm phước trong ruộng tội, chẳng hạn như người cúng dường Xiển-đề, chính là do bên tâm sinh phước mà thôi. Cho nên phân biệt về tâm đều có lý do.

Con gái của Mị-gia dù là ý của Thần cây thí cho, nhưng tâm họ không có ngăn cách, thâm tương quan giao cảm.

Minh Tuấn xét: Sự vĩ đại của ruộng phước chỉ trong hai lúc là:

1. Thành thật.
2. Niết-bàn.

Việc thí cho trong thời gian này, được khẳng định là quả thường. Chỉ thú này có hai:

1. Xác minh: Nếu thí cho vào lúc này, tất nhiên sẽ được quả thường, thì ta cũng có gieo trồng, làm sao chẳng phải thường cho được?

Nay khác xưa, đồng được quả thường, do câu hỏi sau của Thuần-đà.

2. Xác minh: Nếu thí cho vào lúc này sẽ được quả thường, thì ta cũng đã có gieo trồng, chẳng lẽ không phải thường ư?

“Bấy giờ, Thuần-đà liền bạch Phật rằng” cho đến “Không khác nhau”, nghĩa này không đúng.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Đều cho là bình đẳng, chưa hiểu rõ lý do, nên phải dùng sự để đặt ra câu hỏi, rồi sau mới biện bạch.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nếu trí Phật đầy đủ dụng cao siêu của địa vị thanh tịnh thì giúp cho người thí được thường, cho nên trước không như sau. Nếu sau không dùng mà trước dùng, thì sau sẽ không như trước. Trong năm câu hỏi này, bốn câu trước nói về địa bất tịnh, một câu hỏi sau, nói Đức Phật không có dụng.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Nói nhắm thẳng là bình đẳng, chẳng hay lý do vì sao? Nay, phó thác vấn nạn không bình đẳng. Muốn nói về hai dấu vết đồng là quyền mà chẳng phải thật. Nếu khiến cho quả Bồ-tát thật mà không phải quyền, thì Đức Phật cũng đồng phần. Vì sao? Vì đã cùng chung một thân, sao Đức Phật thường riêng khác, mà Bồ-tát lại không ư? Nay, y theo Phật là thường, chính là lý do chứng tỏ Bồ-tát là quyền.

Kính Di ghi lại lời của Pháp sư Tăng Tông rằng:

Ý câu hỏi chấp nhờ giáo pháp xưa, thường khiến cho trước kém mà sau vượt hơn. Nếu nghĩa không bình đẳng đã thành, thì nghĩa thường sẽ hư hoại. Dù cho rằng sau hơn, nhưng về lý do thì không hơn, vì sao? Vì nếu trước là vô thường thì chẳng lẽ chấp nhận một ít thời gian sẽ được là thường?

1. Y theo vào công đức, trí tuệ tròn đầy hay không để thừa hỏi.
2. Vì chúng sinh trái với phi chúng sinh.
3. Vì báo trái với phi báo.
4. Hành trái với phi hành.
5. Dùng trái với không dùng.

Pháp Liên ghi lời Tăng Tông rằng:

Năm câu hỏi khó làm, khiến cho không bình đẳng. Về quả cũng có khác nhau. Hiện thấy thi thố công hạnh của Bồ-tát không bằng thi thố công hạnh Phật thì vượt hơn.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý của Thuần-đà cũng khó thấy, mà giải thích thì có nhiều phương pháp. Nay, trước hết xem xét, khảo chứng giáo pháp Phật, nếu Đức Phật vốn là thân thường của pháp thân, thì ngay hôm nay, cũng đúng vì sao lại vấn nạn ư? Dù cho xưa nay, đều là vô thường thì hai đời lại bình đẳng. Chính thức lẽ ra y cứ sinh ở cung Vua, tìm tòi lý, đặt ra câu hỏi. Vì sao? Vì xét trong giáo pháp xưa, do ngộ đạo dưới cội cây mà thành Phật là thật, đến Kinh Thủ Lăng Nghiêm chép: Tuổi thọ “Bảy trăm a-tăng-kỳ là chân. Một trượng sáu là ứng, mà



cả hai lý đều mâu nhiệm, ta không thể biết. Vả thấy cung vua mà sinh ra thân phiền não, bắt đầu thành Phật. Như Bồ-tát Di-lặc đã vấn nạn trong Pháp Hoa. Nếu nói theo lý, thì nghiệp và phiền não đều mắc phải quả báo khổ đau vô thường. Nay, nghiệp phiền não đã dứt hết, đương nhiên quả báo lẽ ra không có, sao vẫn còn có năm ấm này? Tuy nhiên, cũng có thể là biến hóa, ta không thể biết được, chỉ hôm nay, công hạnh của mười địa đã mãn, vô lậu tròn đủ, đã được quả báo, đáng lý là thường. Nếu vậy, thì trước thời gian thọ thí, tức chưa thành Phật, lẽ ra là vô thường, hôm nay là thường, quả báo của hai cách thí làm sao nói là bình đẳng nhau được?”

Pháp sư Đàm Ái nói: “Dưới đây là đoạn hai gồm có hai chương: Thứ nhất là hỏi; thứ hai là đáp.

“Vì sao, trước khi thọ thí, phiền não chưa dứt hết” cho đến “Được khắp đầy đủ Đản Ba-la-mật”.

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Niết-bàn ở tông, bao gồm là chúng. Đại khái nêu lên ba nghĩa, để nói về thể Niết-bàn kia. Đây là y theo dấu vết thật của Bồ-tát để đặt ra câu hỏi. Nếu phiền não chưa hết, thì chưa được chứng trí. Vì chưa được, nên vẫn còn bị khổ lụy buộc ràng, chưa được giải thoát. Ở đây nêu giải thoát để nêu câu hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hoặc” do che lấp ánh sáng, nếu may mắn “Hoặc” không dứt hết, thì Chứng trí sẽ không khởi, đây là trí đoạn không có, thì làm sao sinh ra phước của Đản ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý nghĩa năm nạn:

- Nạn thứ nhất, được, và chưa được chứng trí.
- Nạn thứ hai, hàng phục và chưa hàng phục bốn ma.
- Nạn thứ ba, đăng và chưa đăng pháp thân.
- Nạn thứ tư, mãn và chưa mãn nhân khó thực hành.
- Nạn thứ năm, chờ đợi cái ăn, và không có cái ăn. Đây là bậc nhất.

Pháp sư Pháp An nói: “Ba vấn nạn trước trong năm nạn, nói về lúc thọ nhận của cúng dường, điều nên dứt trừ chưa dứt trừ. Một câu hỏi sau, nói về xưa kia đáng lý được, lại không được. Câu hỏi thứ năm là dùng, không dùng. Trước, người thọ thí vẫn là chúng sinh. Về sau, người thọ thí là trời trong trời.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ hai ở đây là căn cứ vào con người để đặt câu hỏi. Kinh có hai bốn cũng nói: “Vẫn là chúng sinh, vì năm cái sau để so với cái bắt đầu. Cũng nói rằng ngay phải, vì lời nói chỉ là người thực hành địa.

“Trước, người thọ thí là thân ăn tạp nạp” cho đến “Quả báo... của hai thí, đều không khác nhau”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là y theo Pháp thân để hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dù được thức ăn giúp đỡ, vì tội một đời sống này, nên nói là biên sau. Đã thành Phật rồi thì tất nhiên, “Hoặc” đã dứt hết, nên nói không có thân phiền não.”

“Trước, người nhận bố thí, chưa thể đầy đủ” cho đến “Quả báo của hai thí bình đẳng không khác nhau.”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là nêu Bát-nhã. Nếu ba việc này có đủ, không đủ, thì tức là Niết-bàn thường trụ. Có được, không được, thì làm sao bình đẳng ư?”

Kính Di ghi lời ngài Tăng Tông rằng: “Nêu sáu độ để nói về muôn hạnh chưa mãn. Nêu năm thứ mắt để nói về các đức chưa thành. Chỉ được nhục nhãn. Đây là y theo cho đoạt để đặt tên. Nhục nhãn nhìn thấy rất thô sơ, với cái tên của nó, Phật gọi là Giác. Về lý hiển nhiên chấp nhận không được tuệ nhãn của Phật ư? Nay, nói rằng, chưa được Phật nhãn, Phật nhãn chẳng lẽ có thể được ư? Đây là tuệ nhãn về mặt quả, còn chưa được, hướng chi là Phật nhãn?”

Lại, giải thích: “Nhục nhãn, Thiên nhãn trong năm thứ mắt ở địa vị phàm, ba nhãn còn lại về mặt quả, nghĩa là Phật nhãn là hơn hết. Kế đến là pháp nhãn, tuệ nhãn v.v... Nêu kém trong cái hơn. Vì nói tóm tắt, nên nói “Cho đến”.

Pháp sư Tuệ Lăng nói lại lời Pháp sư Tăng Tông rằng: “Có nhục nhãn... cho đến tuệ nhãn, mà không nói Phật nhãn, vì Phật nhãn là vô thể, chỉ có bốn loại nhãn này đủ nhìn thấy sáng rõ, chính là Phật nhãn, nên chỉ nói bốn nhãn đầy đủ, là biết có Phật nhãn.”

Pháp sư pháp Trí: “Trong nhân chỉ có bốn nhãn trước đã cho nhục nhãn kia. Kế là, nói chưa được Phật nhãn. Nay, nói lý do vì sao Phật nhãn chưa được? Vì nhân chưa mãn, nên cho đến nhân địa, tuệ nhãn cũng chưa được.

“Đức Thế tôn trước thọ cúng dường, thọ xong Ngài dùng” cho đến “Quả báo của hai thí bình đẳng không khác nhau”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ba vấn nạn trước nói về cùng tội, chưa cùng tội, không được bình đẳng. Một câu hỏi này nói về thọ dụng, không thọ dụng. Thọ dụng thì sẽ được năm quả, không thọ dụng, thì sẽ được bình đẳng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người thọ dụng, vì có chỗ nhờ cậy, nên tiêu hóa, thí chủ lại được quả vô thường. Nếu không có lãnh thọ, thì sẽ

không có tiền của, chỉ ứng tích mà thôi. Về mặt lý, sẽ được quả báo thường.

“Phật bảo: Này người thiện nam! Như lai đã nói” cho đến “Thân thường, pháp thân, kim cương thân”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp chung bốn câu hỏi trước”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đã lâu không phải thân ăn, tích của Bồ-tát, không thật nói. Vì là thường, nên bố thí bình đẳng là thường”. Đây là đáp pháp thân thứ ba chưa có thưa hỏi”.

Pháp sư Tăng Tông nói: Ý của năm nạn dù giả vì không bình đẳng nhưng ý muốn làm rõ sự bình đẳng do đó giải thích về bình đẳng. Giảng nói ý chỉ thường. Đây là trước đáp câu hỏi thứ ba ở trước, mà về nghĩa thì giải thích năm câu hỏi. Với ý vấn nạn, chỉ khiến người thí cho ở trước thật sự là Bồ-tát. Nay, đáp rằng: “Đã từ lâu không có thân ăn ở đây mới nói quyên”.

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là chính thức đáp câu hỏi thứ ba, gồm đáp câu hỏi thứ nhất. Ở đây, chính là nói về hai thời gian thích hợp, mà ruộng thật của pháp thân từ lâu là thường.”

“Này người thiện nam! Người chưa thấy Phật tánh” cho đến “Quả báo của hai thí bình đẳng không khác nhau”:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì sao biết được đã từ lâu không phải thân ăn?” Vả chăng, khi thấy Phật tánh soi rọi cùng tột thì đâu đợi ăn ư? Mà nói rằng ăn rồi thấy? Đáp: “Vì nhận biết chẳng phải thật.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là y theo công hạnh thật, Bồ-tát cũng có thức ăn giả làm tác dụng với tác dụng không thật, là hai thứ tịnh này. Vì sao? Vì thức ăn tiêu hóa nhập vào trăm mạch, đối với thân thì thành công dụng và thời gian của công dụng đó là thấy Phật tánh, không còn lý do phiền não bình đẳng nữa.

“Bấy giờ, Bồ-tát phá hoại bốn ma” cho đến “Quả báo của hai thí bố thí bình đẳng, không khác nhau.”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đầu tiên thành đạo, phá ma trời, ma phiền não. Ngày nay, phá tan ma năm ấm, ma chết, vì nêu số ấy, nên nói chung là bốn”.

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là đáp câu hỏi thứ nhất. Vả chăng, thân vô thường, chưa ra khỏi cảnh ma, vì sao? Vì đã là pháp lụy thì tức là ma phiền não. Vì là hữu vi, nên tức là ma năm ấm. Vì là pháp chết, nên tức là ma chết. Với ma trời đồng là như thế, há vượt ngoài cõi kia ư? Phá bỏ bốn ma, chẳng lẽ không phải là nghĩa ở thường trụ, nhưng

thường trụ, đâu phải ở Song thọ mới có, vì bắt đầu nói nên nghĩa không có ma được sáng tỏ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp thẳng câu hỏi thứ hai của chúng sinh. “Hoặc” che lấp ánh sáng, cũng là yếu tố dẫn dắt đến sự sinh. Nay cùng nhau phá bốn, nên nói là bình đẳng.

“Bấy giờ, Bồ-tát dù không nói rộng” cho đến “Quả báo của hai thứ bố thí bình đẳng không khác.”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Đáp câu hỏi thứ ba. Từ lâu đã được Bát-nhã, chỉ nói và không nói, thời gian đó khác nhau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ tư, về sáu độ, năm nhân chưa tu. Căn đã hóa độ vì có thành thực, chưa thành thực, nên có sự khác nhau giữa nói nín.”

“Này người thiện nam! Thân Như lai đã ở vô lượng” cho đến “Sau cùng đã phụng, thật ra cũng không ăn.”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ năm, về thọ dụng, không thọ dụng. La-hán còn không ăn, huống chi là Bồ-tát thân sau ư? Quyền và thật, trước cũng không ăn, sau cũng không ăn. Vì các vị Thanh văn, nếu Đức Phật không thọ lãnh thì chí nhỏ sẽ tự dứt. Cho nên, bảo cho Tiểu thừa kia bỏ nhân chấp không xa. Vì đại chúng ở đây đều nhắm vào lý do không nhận sự cúng dường, nói lên tình ý bỏ đi, giữ lại khác nhau, e rằng ý lấp vô căn cứ của người thời bấy giờ, nghĩa là không còn tiếp nhận đức từ, không dám thưa hỏi.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đáp câu hỏi thứ tư, nói về Bồ-tát thật sự không thọ dụng, thọ dụng dấu vết. Nay, nhập Niết-bàn cũng là thọ lãnh dấu vết. Cả hai sự thọ lãnh đều cùng dấu vết, không phải bình đẳng là sao?”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Xưa, không có quả của năm việc, đến nay cũng không có. Xưa vì Tiểu thừa nên thọ lãnh dấu vết. Cả hai sự thọ lãnh đều cùng dấu vết, không phải bình đẳng sao?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp câu hỏi thứ năm. Hai dấu vết đều không đặc biệt, đều cùng nói về, thì đâu có hơn kém ư?”

“Lúc bấy giờ đại chúng nghe Phật, Thế tôn” cho đến “Là Phật tử, như La-hầu-la bình đẳng không khác”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nghe nói Đức Phật vì đại chúng thọ thực, tất nhiên sẽ có nghĩa quả báo bố thí, cũng có lý để thỉnh Phật an trụ, nên tất cả đều vui mừng.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Dưới đây là thứ hai trong bốn đoạn, đại chúng vui mừng, nhân thỉnh Phật ở đời, để nói về thường.”

Pháp sư Đàm Ái nói: “Đoạn Thứ ba trong tám đoạn, có hai chương:

1. Vui mừng khen ngợi Thuần-đà.
2. Xin thỉnh Thuần-đà làm sao thỉnh Phật ở đời.”

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời Pháp sư Tăng Tông rằng: “Từ đây trở xuống cũng là chương năm của bảy chương trong đoạn thứ nhất, đại chúng khen ngợi Thuần-đà”.

Kính Di ghi lời Tăng Tông rằng: “Đây là chương thứ ba trong năm chương của môn khí, đại chúng vui mừng”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại chúng vui mừng có ba ý:

1. Sáng sớm, tuyên bố diệt độ, không nói có thời gian, chỉ e không kịp. Vì đã ngược nhìn dung nhan đức Từ phụ, nên vui mừng.
2. Một mặt đã không thọ lãnh sự cúng dường của mọi người, chỉ vì e rằng luống qua. Nay nghe tiếp nhận sự cúng dường của Thuần-đà, lại nói khắp vì đại hội, nên vui mừng.
3. Không biết sẽ Niết-bàn ở đâu, dù ta không thấu rõ ý Phật, nhưng Thuần-đà đã khéo được tâm Thánh. Nay, xin Thuần-đà làm sao thỉnh Phật ở đời, hoặc lý có trụ, cho nên vui mừng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây, là đoạn thứ hai trong bốn đoạn, gồm có ba chương:

1. Đại chúng vui mừng thỉnh Thuần-đà.
2. Thuần-đà tự vui mừng, bày tỏ ý của đại chúng để thỉnh Phật.
3. Đức Phật có thể tự vui niềm vui ấy của đại chúng, ngưng dứt việc thỉnh cầu của họ, gọi là người am hiểu nghĩa mẫu nhiệm, người có khuynh hướng tốt đẹp về niềm vui chung ấy, biện luận với Phật về nghĩa sâu kín của hai thí”.

“Bấy giờ, đại chúng liền nói kệ rằng” cho đến “cho nên, nên nhìn thấy vì cú đầu khẩn thỉnh Điều Ngự Sư.”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xưa, lúc Đức Phật mới thành đạo, quán thấy thế gian khó hóa độ, muốn nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ, vua Phạm thỉnh Phật xoay bánh xe pháp. Nay, ông thỉnh Phật, được thọ của cúng dường, đồng với Pháp Vương kia. Phạm Vương là vị trời thứ bảy, muốn nói rằng vượt qua tầng trời thứ sáu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đoạn thứ tư trong năm đoạn, xin Thuần-đà, nhờ thỉnh cầu Phật.

Minh Tuấn bàn rằng: “Bài kệ bốn hàng này chỉ có một ý. Hàng thứ nhất, vì muốn thỉnh Thuần-đà, nên trước khen ông ấy có đức của Phạm Vương, một hàng kế là, thỉnh Thuần-đà sao cho ông ấy thỉnh

Phật. Hàng kế nói về lý do ý nên thỉnh Phật. Hàng cuối, bày tỏ lần nữa vì rất muốn thỉnh cầu.”

“Bấy giờ, Thuần-đà vui mừng, phần khởi” cho đến “Cũng giống như vậy, lại đứng dậy Phật.”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn thứ năm này, từ đây nhập kệ hết mười một hàng rưỡi. Mừng có hai ý:

1. Vì nhờ am hiểu thọ lãnh cúng dường, nên vui mừng
2. Vì được đại chúng vui mừng chấp nhận nên vui mừng.”

“Mà nói kệ rằng: Vui thay! Được lợi mình” cho đến “Thích, Phạm chư thiên thấy, đều đến cúng dường ta!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bốn bài kệ rưỡi đầu, phân biệt về tướng riêng khác, tự cảm thấy hớn hởi, trong được thân người, ngoài, gặp Đức Phật ra đời, thoát khỏi sáu đường.”

Bốn bài kệ kế, là tướng chung, đã giải thích xong. Sở dĩ được thành tựu độ Đàn, là vì bên ngoài được gặp độ đời kia, còn bên trong, nhờ phát nguyện chân chánh.

Hai bài kệ kế là, vì vui mừng nên nói thí dụ. Một bài kệ kế, nói trời người đều quy mạng mình, kết thúc đáng vui mừng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bốn hàng rưỡi đầu, vui vì lìa sinh tử sáu đường. Hai hàng kế, vui vì khó gặp mà gặp. Hai hàng kế là phát nguyện. Ba hàng kế là, nói về việc đã vui mừng.”

“Hầu hết các thế gian đều khổ não” cho đến “Ở lâu trên thế gian.”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cũng như lúc mặt trời mọc. Nửa bài kệ này thích ứng với sự thay đổi nhau của nửa bài kệ, nói cũng như trong hư không”.

Kính Di ghi lời của Pháp sư Tăng Tông rằng: Dưới đây là nói xong về xót thương, khen ngợi. Môn thỉnh cầu, nói về thường. Từ đây đến phẩm cuối, có mười phần:

1. Có bảy hàng kệ: Là Thuần-đà biểu dương ý thỉnh cầu của đại chúng.
2. Đức Phật nhắc lại việc Thuần-đà tự cảm thấy vui mừng, ngăn việc thỉnh cầu.
3. Thuần-đà lãnh hội am hiểu, dù biết được bản xứ, nhưng không thể thỉnh. Nay, thỉnh lại về dấu vết.
4. Bồ-tát Văn-thù giả làm người không thấu rõ, chấp dấu vết, sinh ra biện luận.
5. Thuần-đà nêu hai thí dụ: Cô gái nghèo, và người lửa, để khuyến

---

khích tu hành.

6. Bồ-tát Văn-thù kết hai ví dụ này với Thuần-đà.

7. Nhân thỉnh trái ngược lại dấu vết ăn.

8. Quét cả hai dấu vết của hai người, vì sao?

Vì Bồ-tát Văn-thù giả làm người không thấu suốt, mà Thuần-đà ở địa vị vượt hơn, vì vậy chớ vội tin, nên cần phải “Ấn khả”.

9. Phát ra ánh sáng nhằm thúc giục cúng dường.

10. Thuần-đà lãnh hội, am hiểu. Đức Như lai nói lại thành tựu, ở đây, là nêu đại chúng thỉnh lần thứ nhất.

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời Pháp sư Tăng Tông rằng: “Dưới đây sẽ nói về ví dụ ngọc lưu ly. Nói chung là môn thỉnh thứ hai, nói về thường, được chia làm hai phần. Vì sao? Vì trước kia, Ngài Thuần-đà xin Phật nhận cúng dường, vì người căn cơ bậc thượng, mở ra tông chỉ, nói về nhân, quả, thường trụ.

Nay, dưới đây, cho đến “Phát ra ánh sáng, đôn đốc cúng dường”, nhân thỉnh lần nữa vì người căn cơ bậc trung, mở rộng nhân quả, thường trụ.

Kế là, từ “Phát ra ánh sáng thúc giục cúng dường xong” cho đến “Ví dụ ngọc lưu ly”, do phát ánh sáng nên mặt đất rung chuyển. Hai tướng Niết-bàn nhằm mở rộng nhân quả, thường trụ.

Y cứ vì người căn cơ bậc trung, nói trung, được chia thành mười một chương:

1. Thuần-đà gọi lên tâm đại chúng thỉnh Phật.

2. Phật có khả năng làm cho Thuần-đà, tự vui mừng.

3. Trái với điều họ thỉnh.

4. Thuần-đà lại thỉnh cầu.

5. Bồ-tát Văn-thù ngăn Thuần-đà, không thừa nhận có thỉnh.

6. Thuần-đà chê Bồ-tát Văn-thù, chính là nói về quả thường trụ.

7. Nói hai thí dụ: cô gái nghèo và bậc thượng phu để, nhằm khuyên răn Văn-thù.

10. Bác bỏ sự chấp mắc của niệm vui vẻ.

11. Nêu hai thí dụ: Xe giá của Đấng Điều Ngự và chim cánh vàng. Nói rằng trên có thể biết dưới, dưới không thể đo lường được trên.

Trên đây qua lại bởi khu vực u huyền của cảnh tượng “Không”, há cho rằng khắc ghi, dò xét đối với lý ư?”

